

NGUYỄN XUÂN KHOA

TIẾNG VIỆT

GIÁO TRÌNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN MẦM NON

Tập 2

(Tái bản lần thứ ba)

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Mã số: 01.01. 154/869

MỤC LỤC

Phần ba

TỪ VỰNG TIẾNG VIỆT

Chương I: Các kiểu cấu tạo từ	7
I. Từ là gì.....	7
II. Từ đơn	8
III. Từ láy.....	8
IV. Từ ghép.....	11
Chương II. Quán ngữ, thành ngữ	13
I. Quán ngữ.....	13
II. Thành ngữ	13
Chương III: Ý nghĩa của từ	18
I. Khái niệm về ý nghĩa của từ.....	18
II. Tính đa nghĩa của từ	19
III. Các loại nghĩa	20
IV. Phương thức chuyển nghĩa của từ	21
V. Kết cấu ngữ nghĩa của từ nhiều nghĩa	24
VI. Trường từ vựng – ngữ nghĩa	24
VII. Hiện tượng đồng nghĩa	26
VIII. Hiện tượng trái nghĩa.....	29
IX. Từ cùng âm và gần âm	31
Chương IV: Hệ thống từ vựng	32
I. Từ địa phương	32
II. Từ nghề nghiệp	33
III. Thuật ngữ khoa học	34
IV. Từ ngữ gốc Hán, gốc Ấn - Âu	36
V. Từ ngữ lịch sử	38

Chương V: Lỗi dùng từ	39
I. Lỗi về ý nghĩa từ vựng của từ	39
II. Lỗi về hình thức ngữ âm của từ	42
III. Dùng từ không phù hợp với hoàn cảnh nói năng	43
IV. Dùng từ không phù hợp với phong cách	44

Phần bốn

NGỮ ÂM TIẾNG VIỆT

Chương I: Bộ máy phát âm	51
I. Ngữ âm học	51
II. Bộ máy phát âm	51
Chương II. Âm tiết	53
I. Khái niệm về âm tiết	53
II. Cấu trúc âm tiết	53
Chương III: Thanh điệu	55
I. Thanh điệu là gì	55
II. Sự thể hiện của các thanh điệu	55
Chương IV: Âm đầu	58
I. Khái niệm về âm vị	58
II. Đặc trưng của âm đầu	58
III. Hệ thống phụ âm tiếng Việt	59
IV. Miêu tả phụ âm	59
Chương V: Âm đệm	62
I. Khái niệm về âm đệm	62
II. Các giả thuyết về âm đệm	62
Chương VI: Âm chính	63
I. Khái niệm về âm chính	63
II. Hệ thống nguyên âm tiếng Việt	63
III. Miêu tả nguyên âm	64
Chương VII. Âm cuối	66
I. Khái niệm về âm cuối	66
II. Sự thể hiện các âm cuối bằng chữ viết	66

Chương VIII: Lỗi chính tả	68
I. Lỗi chính tả do không nắm vững chính tự	68
II. Lỗi chính tả do không nắm vững cấu trúc âm tiết và đặc điểm ngữ âm của âm tiết tiếng Việt	70
III. Lỗi chính tả do viết theo cách phát âm địa phương	71
Chương IX: Một số quy định về chính tả và thuật ngữ tiếng Việt ..	73

Phần năm

PHONG CÁCH HỌC TIẾNG VIỆT

Chương I: Những khái niệm cơ bản của phong cách học	81
I. Đối tượng của phong cách học	81
II. Đặc điểm tu từ	81
Chương II. Các phong cách tiếng Việt	84
I. Phong cách khẩu ngữ	84
II. Phong cách khoa học	87
III. Phong cách hành chính	89
IV. Phong cách chính luận	91
V. Phong cách nghệ thuật	94
Chương III: Đặc điểm tu từ của tiếng Việt	99
I. Đặc điểm tu từ của từ ngữ tiếng Việt	99
II. Đặc điểm tu từ về mặt ngữ nghĩa	103
III. Đặc điểm tu từ của kết cấu cú pháp tiếng Việt	118
IV. Đặc điểm tu từ của ngữ âm tiếng Việt	125
Chương IV: Tu từ học lời nói	132
I. Tu từ học lời nói là gì	132
II. Cấu trúc logic và cấu trúc biểu cảm của văn bản	132
III. Cấu tạo văn bản	134
IV. Một số biện pháp tu từ học lời nói	156

PHẦN BA

TỪ VỰNG TIẾNG VIỆT

Chương 1

CÁC KIỂU CẤU TẠO TỪ

I. TỪ LÀ GÌ?

Từ là đơn vị dùng để xây dựng câu, xây dựng lời nói. Ví dụ, trong câu: “Đây là trường mẫu giáo”, ta thấy có các đơn vị sau: đây, là, trường, mẫu, giáo. Các đơn vị này có những đặc điểm sau:

- Bao gồm hai mặt: âm thanh và ý nghĩa.
- Số lượng âm tiết có thể là 1 (đây, là, trường) có thể là 2 (mẫu giáo) hoặc lớn hơn 2.
- Không thể chia nhỏ ra nữa mà vẫn giữ nguyên ý nghĩa cũ (các từ “đây”, “là”, “trường” không thể phân nhỏ ra nữa, từ “mẫu giáo” không thể chia nhỏ ra mà vẫn giữ nguyên ý nghĩa cũ).
- Có thể tồn tại độc lập, nghĩa là chúng có thể tách ra khỏi câu mà vẫn có ý nghĩa như vậy, chúng có thể dùng để đặt một câu khác.

Các đơn vị trên đây được gọi là từ.

Có thể phân chia các từ tiếng Việt về các mặt cấu tạo thành:

- Từ đơn.
- Từ phức gồm từ láy và từ ghép.

II. TỪ ĐƠN

Đại bộ phận các từ đơn là từ đơn một âm tiết. Chúng mang những đặc trưng ngữ nghĩa chủ yếu của từ vựng tiếng Việt. Có một số ít từ đơn đa âm tiết như: bù nhìn, mồ hôi, bồ hóng... Có thể trước kia chúng là từ phức, song hiện nay các âm tiết này đã mất nghĩa. Có một số từ đơn đa âm tiết là các từ vay mượn từ các ngôn ngữ Ấn - Âu như: cà phê, ô tô, pô sơ lin...

III. TỪ LÁY

1. Từ láy

Là những từ trong đó các âm tiết có quan hệ với nhau về mặt ngữ âm, hoặc giống nhau ở phụ âm đầu (chắc chắn, làm lụng, bàn bạc ...) hoặc giống nhau ở vần (bối rối, lì xì, lừ đừ...), hoặc có những âm tiết giống nhau hoàn toàn (chuồn chuồn, xanh xanh...). Các âm tiết trong từ láy thường có những thanh điệu tương ứng với nhau: các thanh ngang, thanh sắc, thanh hỏi, và các thanh huyền, thanh ngã, thanh nặng thường đi với nhau. Ví dụ: lo lắng, chim chóc, bé bỏng, tròn trĩnh, đẹp đẽ, người ngợm v.v... Về mặt ý nghĩa, từ láy có giá trị gợi cảm, có tính cụ thể, sinh động.

2. Các loại từ láy

a. Láy đôi : Loại láy đôi được chia ra thành hai kiểu: láy hoàn toàn và láy bộ phận.

– Láy hoàn toàn: Hai thành tố, có sự tương ứng hoàn toàn như: rầm rầm, oang oang, xa xa... Do phát âm nhẹ ở âm tiết đầu nên có hiện tượng biến thanh, biến vần. Biến thanh theo quy tắc đã nêu trên, còn biến vần theo quy tắc sau.

p → m như: dèm đẹp, chiêm chiếu, cầm cập...

t → n như: san sát, tôn tốt, chan chất...

c → ng như: eng éc, ang ác, rừng rục...

ch → nh như: chênh chéch, anh ách, bình bịch...

– Láy bộ phận:

+ Từ láy vần: Ở kiểu láy này, tiếng gốc thường đứng sau tiếng láy lại

l – b như: lèm bèm

b – nh như: bắng nhắng

l – d như: lờ đờ

b – r như: bồi rối

l – k như: luẩn quẩn

c – nh như: càu nhàu

l – đ như: lờ đờ

t – m như: táy máy

l – r như: lúu rúu

h – t như: hấp tấp

l – t như: lúng túng v.v...

+ Từ láy âm đầu: vội vã, dễ dãi, múa may, hớ hênh, rầu rĩ, náo nức...

Các từ láy có tiếng gốc đứng sau ít hơn, ví dụ: lác lác, lung lay, tấm tức...

b. Láy ba: Từ láy ba trong tiếng Việt không nhiều lắm. Ví dụ: tẻo tẻo teo, cuống cuống cuồng, dửng dưng dưng, sạt sạt, khít khin khịt...

c. Láy bốn: Hình thức láy bốn thường được xây dựng trên cơ sở các từ láy đôi. Đại bộ phận trường hợp được cấu tạo như sau: Lặp lại hai lần từ láy đôi cơ sở, trong khi lặp, đổi vần của yếu tố thứ hai thành vần a hay à, ơ, ví dụ: Khấp khểnh → khấp khểnh khấp khểnh → khấp kha khấp khểnh.

Hì hục → hì hục hì hục → hì hà hì hục

Hót hải → hót hải hót hải → hót hơ hót hải

Hoặc trong khi lặp, biến đổi thanh điệu sao cho hai yếu tố đều mang thanh điệu thuộc âm vực cao, hai yếu tố sau mang thanh điệu thuộc âm vực thấp. Ví dụ: lảm nhảm lảm nhảm, loáng choáng loạng choạng.